TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2022/DS-PT.
Ngày: 27/9/2022.
V/v: "Chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.
Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hương Giang;
Ông Đặng Văn Quyết.
Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền- Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn– Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2022/TLPT- DS ngày 21/8/2022 về việc: "Chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 25/5/2022của Toà án nhân dân huyện Lbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số141/2022/QĐ-PT ngày 05/9/2022; Quyết định hoãn phiên tòagiữa:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Công Ch1, sinh năm 1965, (có mặt).
Bị đơn: Ông Hoàng Công T, sinh năm 1959, (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, (đều vắng mặt);
1-Bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1960;
2. Ông Hoàng Công Ch2, sinh năm 1963;
Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
3. Bà Hoàng Thị Th1, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang

4. Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1969;

5. Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

6. Bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

7. Bà Hoàng Thị H3, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

8. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1958, vợông T;

9. Anh Hoàng Công V, sinh năm 1992,con trai ông T;

10. Chị Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1989, vợ anh V;

11. Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1966, vợông Ch2;

12. Anh Hoàng Công Th2, sinh năm 1990, con ông Ch2;

13. Chị Lô Thị H4, sinh năm 1998, vợ anh Th2;

14. Anh Nguyễn Văn Th3, sinh năm 1993,con trai bà Hoàn;

15. Chị Nguyễn Thị Trang, sinh năm 1995, vợ anh Thiện;

16. Anh Hoàng Công Ch3, sinh năm 1989, con trai ông Ch1;

17. Chị Dương Thị H5, sinh năm 1991, vợ anh Ch3;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

18. Uỷ ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Trọng L- Phó chủ tịch UBND xã đại diện theo ủy quyền;

19. Uỷ ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang do ông Lương Văn B – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L đại diện theo ủy quyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà ông Hoàng Công Ch1 trình bày:Bố mẹ ông là cụ Hoàng Công N1, sinh năm 1925, (chết năm 2006) và cụNguyễn Thị N2, (chết năm 2011). Bố mẹ ông sinh được 09 người con chung gồm: Ông Hoàng Công T; bà Hoàng Thị Q; ông Hoàng Công Ch2;ông (Hoàng Công Ch1);bà Hoàng Thị Th1; bà Hoàng Thị H1; bà Hoàng Thị C; bà Hoàng Thị H2; bà Hoàng Thị H3. Ngoài các anh chị em có tên trên bố mẹ ông không có người con riêng, con nuôi nào khác. Quá trình chung sống bố mẹ ông tạo lập được khối tài sản chung gồm:

-Về QSDĐ: Thửa đất có diện tích 1.432m^2 trong đó 360m^2 đất ở và 1.072m^2 đất vườn thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17 (nay kết quả đo thực tế ngày 09/12/2021 là 1.429,5m^2 là giảm 2,5m^2) ở thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ngày 20/4/1994,

UBND huyện Lđã cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1, số vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐlà 22390 QSDĐ/15.Theo kết quả đo thực tế ngày 09/12/2021 thì đất có diện tích là 1.429,5m^{2}Khi đó trong sổ hộ khẩu của gia đình chỉ có bố mẹ ông còn các anh chị em ông đã đi lấy vợ, lấy chồng và ra ở riêng không ai còn chung sống cùng với bố mẹ ông. Diện tích đất này là di sản thừa kế của cụ N1, cụ N2 để lại.

Về tài sản trên đất: Năm 1979, bố mẹ ông xây một ngôi nhà cấp 4 gồm 3 gian.Năm 2015, ngôi nhà này được sửa lại, hiện dùng làm nhà thờ do ông trực tiếp trông nom, quản lý. Anh Hoàng Công Ch3là con trai ôngđã xây nhà ở trên một phần đất này, còn ông T đã và đang quản lý sử dụngmộtphần đất ao từ khi bố mẹ ông chết đến nay.

Trước khi chết, cụ N1và cụ N2có viết di chúc. Di chúc của cụ N1 ghi ngày 10/8/2003 do chính cụ N1 viết,di chúc của cụ N2 ghi ngày 09/02/2011 do nhờ người khác viết hộ. Hai di chúc có nội dung phân chia di sản thừa kế nhưng đều không có chứng thực và không có người làm chứng. Đến nayông cũng không có bút tích của bố ông mẹ để lại để đem so sánh,để giám định chữ viết, chữ ký của bố ông và mẹ ông trong các di chúc này. Nay, ông xác định các bản di chúc này là không hợp pháp.Ông đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của bố mẹ để lại theo quy định của pháp luật.

Đối với phần diện tích đất thực tế đã bị giảm 2,5m^{2}so với diện tích đất ghi trong Giấy chứng nhận QSDĐ là do ông Hoàng Công Ch2 bà Hoàng Thị H1đã xây các công trình lấn sang diện tích đất của bố mẹ ông để cho đất của ông Ch2 và bà Hoàn được vuông vắn. Do phần diện tích đất này là nhỏ chỉ là các góc thẹo không đáng kể nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết đối với phần diện tích đất này. Trong phần diện tích đất thực tế là 1.429,5m^2 thì có 191,3m^{2}đất đã được xây 01 nhà thờ, lát sân vàlàm lối đi chunghiện nay đang dùngđể làm nơi thờ cúng bố mẹnên ông không đề nghị phân chia. Sau khi khấu trừ 191,3m^{2}đất làm nơi thờ cúng bố mẹ thìphần diện tích đất còn lại là 1.238,2m^2.

Đối với các tài sản trên đấtlà di sản của các cụ để lại có tổng giá trị tài sản là 65.619.000đồng gồm có: 01 ngôi nhà thờ cấp 4 trị giá 35.814.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem trị giá 6.861.000 đồng; 01 tường xây 20 bó sân trị giá 1.433.000 đồng; 01 bếp loại C trị giá 8.788.000 đồng; 01 sân láng vữa xi măng trị giá 495.000 đồng; 02 cây xoài đường kính gốc 40cm trị giá 2.032.000 đồng; 02 cây vải đường kính tán 4,5- 5m trị giá 5.982.000 đồng; 01 tường xây gạch chỉ 110 trị giá 4.214.000 đồng.

Trong đó tài sản trên phần diện tích 191,3m^{2}gồm có 01 ngôi nhà thờ cấp 4 trị giá 35.814.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem trị giá 6.861.000 đồng; 01 tường xây 20 bó sân trị giá 1.433.000 đồng, hiện nay các tài sản này sử dụng làm nơi thờ cúng bố mẹ ông nên

ông đề nghịTòa án giao các tài sản này cho các anh chị em của ông đồng sở hữu, quản lý sử dụng.

Trong phần diện tích đất còn lại là 1.238,2m^2, ông đề nghị để lại một phần diện tích đất làm lối đi chung. Phần diện tích đất còn lại và các tài sản trên đất thì ông đề nghị chia thừa kế cho 09 anh chị emtheo quy định của pháp luật. Ông xin nhận phần diện tích đất đã có nhà 02 tầng và các tài sản do ông vàvợ chồng anh Ch3, chị H5đã xây dựng. Đối với kỷ phần thừa kế của bà Hoàng Thị Q,bà Hoàng Thị Th1,bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị H3 được hưởng,nhưngbà Q, bà Th1, bà C, bà H3 đãđồng ý tặng cho ông thì ông đề nghị được nhận bằng hiện vật.

*Các tài sản do ông và vợ chồng anh Ch3, chị H5 đã xây dựng trên một phần đấtcó tổng trị giá là678.173.000 đồng gồm: Tường xây gạch 110 trị giá 4.849.000 đồng; trụ cổng trị giá 1.238.000 đồng; cánh cổng sắt trị giá 2.410.000 đồng; bán mái trị giá 2.834.000 đồng; 01 nhà cấp 3 loại 3 trị giá 118.291.000 đồng; 01 sân gạch liên doanh trị giá 1.344.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem trị giá 5.931.000 đồng; 01 sân vữa xi măng trị giá 827.000 đồng; 01 nhà cấp 3 loại 2 trị giá 514.987.000 đồng; 01 tường cay bê tông xây 100 trị giá 3.286.000 đồng; 01 nhà chăn nuôi loại C trị giá 16.000.000 đồng; 04 cây nhãn đường kính tán 2-3m trị giá 1.748.000 đồng; 03 cây bưởi đường kính gốc 5-7cm trị giá 3.273.000 đồng; 01 cây ổi đường kính gốc 12cm trị giá 214.000 đồng; 01 cây hồng xiêm đường kính gốc 7cm trị giá 183.000 đồng; 01 cây nhãn đường kính tán 40 trị giá 758.000 đồng.

Ông đề nghị Tòa án giao cho ông phần diện tích đất có các tài sản này để ông tiếp tục quản lý, sử dụng.

Bị đơn ông Hoàng Công T trình bày:Ông là con của cụ cụ N1cụ N2.Ông thừa nhận lời khai của ông Hoàng Công Ch1 đã trình bày về các con chung của cụ N1cụ N2, phần diện tích đất ở, đất vườn và các tài sản khác do các cụ để lại là đúng.Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Hoàng Công Ch1 theo quy định của pháp luật đối với di sản mà bố mẹ ông đã để lại. Đối với QSDĐ, ông đồng ý chia theo diện tích đấtthực tế hiện nay theo kết quả đo vẽ ngày 09/12/2021.

Đối vớiphần diện tích đất 2,5m^2 mà ông Ch2, bà Hoàn đã xây dựng công trình lấn phần đất của bố mẹ thì ông đề nghị tiếp tục giao cho ông Ch2, bà Hoàn quản lý sử dụng, ông không đề nghị Tòa án phân chia phần diện tích này vì diện tích đất 2,5m^2 là những góc thẹo không đáng kể.

Ông cũng đồng ý với đề nghị của ông Ch1để lại phần đất có diện tích 191,3m^{2}làm nơi thờ cúng tổ tiên. Đối với phần diện tích đất còn lại là 1.238,2m^2 thì ông đồng ý để lại một phần diện tích đất làm lối đi chung. Phần diện tích đất còn lại và các tài sản trên đất thì ông đề nghị chia thừa kế cho 09 anh chị emtheo quy định của pháp luật.Đối với phần

diện tích đất ao là 397m^{2}theo kết quả đo thực tế ngày 09/12/2021 thì gia đình ôngđang trực tiếp quản lý và sử dụng. Ông xin được nhận phần diện tích đất này ao này và ông đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hoàng Thị Q, bà Hoàng Thị Th1, bà Hoàng Thị C,bà Hoàng Thị H3đều trình bày:Các bà là con của cụ cụ N1cụ N2, các bà hoàn toàn nhất trí với lời khai của ông Hoàng Công Ch1 đã trình bày. Các bàđề nghị chia thừa kế di sản của các cụ để lại cho 09 anh chị emtheo quy định của pháp luật. Nhưng các bà xin được nhận kỷ phần thừa kế của bố mẹ để lại bằng hiện vật và tặng lại cho ông Hoàng Công Ch1 được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng. Bà Hoàng Thị H3 đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng ThịH2đều trình bày:Các bà là con của cụ cụ N1cụ N2, các bà hoàn toàn nhất trí với lời khai của ông Hoàng Công Tvà trình bày: Mặc dù Đơn kê khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ của bố mẹ cácbà có ghi gia đình có 4 khẩu gồm hai lao động chính và hai lao động phụ, nhưng khi đó bà Huệ và bà H2 đã đi lấy chồng từ tháng 6/1993 và đã được tách khẩu theo gia đình nhà chồng không còn chung sống cùng bố mẹ. Tại thời điểm đó các cụ được UBND huyện Lcấp Giấy chứng nhậnQSDĐnhưng chỉ có 2 cụ ở trong Sổ hộ khẩu. Nay các bà xác định các tài sản gồm nhà và đất đã định giá là di sản của bố mẹ để lại, các bà không có công sức đóng góp gì, đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ N1và cụ N2theo quy định của pháp luật, kỷ phần thừa kế của các bàđược hưởng thì các bà xin được nhận bằng hiện vật.

Ông Hoàng Công Ch2 trình bày:Ông là con của cụ cụ N1cụ N2.Ông nhất trí với lời khai của ông Hoàng Công Ch1 đã trình bày về các con của cụ N1cụ N2, diện tích đất ở, đất vườn và các tài sảncủa các cụ để lại. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công Ch1 về việc đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản mà bố mẹ ông để lại. Ông đồng ý chia theo hiện trạng diện tích đất hiện nay theo kết quả đo vẽ ngày 09/12/2021. Ông từ chối nhận phần di sản được hưởng và xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Bà là vợ của ông Hoàng Công T, bà hoàn toàn nhất trí với lời khai của ông T đã trình bày và không bổ sung gì thêm, bà xin vắng mặt tất cả quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bà Hoàng Thị Đ trình bày:Bà là vợ của ông Hoàng Công Ch2, bà hoàn toàn nhất trí với lời khai của ông Ch2 đã trình bày và không bổ sung gì thêm, bà xin vắng mặt tất cả quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

Anh Hoàng Công Ch3, chị Dương Thị H5đều trình bày: Anh chị là con trai và con dâu của ông Hoàng Công Ch1. Anh chị hoàn toàn nhất trí với lời khai của ông Ch1đã trình bày và không bổ sung gì thêm. Đối với tài sản là nhà đất mà vợ chồng anh

chị cùng ông Ch1 đã xây dựng được liệt kê trong Biên bản định giá ngày 09/12/2021 đã đúng. Nay các bên có tranh chấp, các anh chị đề nghị Tòa án giao các tài sản của anh chị cho ông Ch1, giữa ông Ch1 với vợ chồng anh chị sẽ tự thỏa thuận giải quyết. Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết công sức đóng góp quản lý di sản. Do bận công việc anh chị xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Chị Nguyễn Thị Tr trình bày: Chị là vợ anhNguyễn Văn Th3 và làcon dâu của bà Hoàng Thị H1, chị nhất trí với lời khai của bà Hoàn đã trình bày và không bổ sung gì thêm. Do bận công việc chị xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Anh Hoàng Công V, (con trai ông T), chị Lê Thị Ngọc M, (vợ anh V), anh Hoàng Công Th2, (con trai ông Ch2) chị Lô Thị H4, (vợ anh Th2), anh Nguyễn Văn Th3, (con trai bà H1) đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình là bà Hoàng Thị H1, ông Hoàng Công T, ông Hoàng Công Ch2 nhận thay và cam kết giao lại cho những người này, nhưng những người này không đến Tòa án làm việc, từ chối khai báo, từ chối cung cấp giao nộp các tài liệu chứng cứ cho Tòa án,không đưa ra ý kiến quan điểm của mình.

Ủy ban nhân dân huyện L do ông Lương Văn B- Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L,là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

+Nguồn gốc thửa đất tranh chấp và quá trình sử dụng đất: Theo hồ sơ địa chính lập năm 1994, xã X, tại trang số 191, quyển số 02 của Sổ Địa chính có thể hiện hộ cụ Hoàng Công N1, được quản lý và sử dụng diện tích 4.539m^2 đất (trong đó có: 360m^2 đất ở; 1.072m^2 đất trồng cây lâu năm và 3.107m^2 đất nông nghiệp canh tác) tại thôn Đ, xã X. Ngày 20/4/1994, UBND huyện L đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ cụ Hoàng Công N1 đối với diện tích 4.539m^2 đất nêu trên, trong đó có thửa đất số 32, tờ bản đồ 17, diện tích 1.432m^2,(gồm 360m^2 đất ở; 1.072m^2 đất trồng cây lâu năm).

Tại Đơn xin cấp Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ cụ Hoàng Công N1 năm 1993, (lưu tại UBND xã X) có thể hiện hộ cụ N1khi đó có 4 nhân khẩu (trong đó có 02 lao động chính và 02 lao động phụ). Công an xã X không còn tài liệu theo dõi về nhân khẩu của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã trong năm 1990-1994. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, hộ cụ Hoàng Công N1 sử dụng đất liên tục ổn định, đúng mục đích sử dụng đất và không có tranh chấp, khiếu kiện gì về đất đai đối với các hộ giáp ranh liền kề.Việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐcho hộ cụ Hoàng Công N1 là đúng quy pháp luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Ngày 13/9/2006, cụ Hoàng Công N1 chết, ngày 25/3/2011, cụ Nguyễn Thị N2(vợ cụ N1) chết. Ngày 23/8/2021, ông Hoàng Công Ch1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L chia di sản củacụ N1 và cụ N2 là QSDĐ thửa đất số 32, tờ bản đồ 17, diện tích 1.432m^2, (gồm 360m^2 đất ở; 1.072m^2 đất trồng cây lâu năm)theo quy định pháp luật.

Tại kết quảthẩm định ngày 09/12/2021, thửa đất số 32, tờ bản đồ 17 có diện tích thực tế là 1.429,5m^2(là giảm 2,5m^{2}đất so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận QSDĐ được cấp năm 1994) được thể hiện gồm 03 thửa đất cụ thể như sau:

- Thửa đất số 1, diện tích 397,0m^2;
- Thửa đất số 2, diện tích 494,3m^2;
- Thửa đất số 3, diện tích 538,2m^2;

Nguyên nhân có sự giảm về diện tích là do ranh giới hiện trạng sử dụng đất và ranh giới cấp Giấy chứng nhận QSDĐ có sự thay đổi. Nay, ông Hoàng Công Ch1 yêu cầu phân chia tài sản thừa kế đối với di sản của cụ Hoàng Công N1, cụ Nguyễn Thị N2để lại, UBND huyện L có quan điểm: Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. KhiUBND huyện L thực hiện cấp Giấy chứng nhận QSDĐ theo Quyết định của Tòa án thì hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSDĐcủa chủ sử dụng đất phải được ký giáp ranh với các chủ hộ có đất kiền kề.UBND huyện Lxin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Ủy ban nhân dân xã X do ông Nguyễn Trọng L- Phóchủ tịch UBND xã là người đại diện theo ủy quyền trình bày:UBND xã Xđồng ý với quan điểm của đại diện UBND huyện L đã trình bày và có bổ sung thêm: Thửa đất hiện nay đang có tranh chấp do hộ anh Hoàng Công Chiên nộp thuế đất phi nông nghiệp từ năm 2013, ông Hoàng Công Ch1, anh Hoàng Công Ch3 và ông Hoàng Công T đều có công sức trong việc quản lý tôn tạo diện tích đất mà cụ Hoàng Công N1, cụ Nguyễn Thị N2 để lại. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.UBND xã Xxin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

+ Ngày 09/12/2021, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đang có tranh chấp, kết quả định giá tài sản như sau:

Diện tích đất thực tế của thửa đất đang có tranh chấp là 1.429,5m^2(trong đó có 360m^2 đất ở và 1.069,5m^2 đất vườn) tại số thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ số 22390 QSDĐ/15 cấp ngày 20/4/1994.

Thửa đất trên được định giá theo thị trường là 6.000.000 đồng/m^2 (trong đó đất ở giá 360m^2 x 6.000.000 đồng/m^2 = 2.160.000.000 đồng; đất vườn là 1.069,5m^{2}x 42.000 đồng/m^2 = 44.919.000 đồng). Tổng giá trị QSDĐ là 2.204.919.000đồng.

Đối với các tài sản trên đất phần diện tích đất là 191,3m^{2}có tổng giá trị là 65.619.000đồng (các đương sự không đề nghị phân chia) gồmcó: 01 ngôi nhà thờ là di sản của cụ N1cụ N2 để lại gồm: 01 nhà thờcấp 4 trị giá 35.814.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem trị giá 6.861.000 đồng; 01 tường xây 20 bó sân trị giá 1.433.000 đồng; 01 bếp

loại C trị giá 8.788.000 đồng; 01 sân lãng vữa xi măng trị giá 495.000 đồng; 02 cây xoài đường kính gốc 40cm trị giá 2.032.000 đồng; 02 cây vải đường kính tán 4,5- 5m trị giá 5.982.000 đồng; 01 tường xây gạch chỉ 110 trị giá 4.214.000 đồng.

Ngoài ra còn một số đồ dùng sinh hoạt bên trong nhà thờ như giường, tủ, xoong nồi, các vật dụng dùng trong sinh hoạt cá đương sự không đề nghị định giá.

Đối với các tài sản do ông Ch1 và vợ chồng anh Ch3, chị H5 đã xây dựng trên một phần diện tích đất có tổng giá trị là: 678.173.000 đồng gồm:Tường xây gạch 110 trị giá 4.849.000 đồng; trụ cổng trị giá 1.238.000 đồng; cánh cổng sắt trị giá 2.410.000 đồng; bán mái trị giá 2.834.000 đồng; 01 nhà cấp 3 loại 3 trị giá 118.291.000 đồng; 01 sân gạch liên doanh trị giá 1.344.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem trị giá 5.931.000 đồng; 01 sân vữa xi măng trị giá 827.000 đồng; 01 nhà cấp 3 loại 2 trị giá 514.987.000 đồng; 01 tường cay bê tông xây 100 trị giá 3.286.000 đồng; 01 nhà chăn nuôi loại C trị giá 16.000.000 đồng; 04 cây nhãn đường kính tán 2-3m trị giá 1.748.000 đồng; 03 cây bưởi đường kính gốc 5-7cm trị giá 3.273.000 đồng; 01 cây ổi đường kính gốc 12cm trị giá 214.000 đồng; 01 cây hồng xiêm đường kính gốc 7cm trị giá 183.000 đồng; 01 cây nhãn đường kính tán 40 trị giá 758.000 đồng. Ngoài ra có các các tài sản đồ dùng sinh hoạt bên trong ngôi nhà anh Ch3, chị H5 đang ở các đương sự không đề nghị định giá.

Trên phần diện tích đất đang có tranh chấp có một phần đất ao có diện tích 397m^2 hiện đang doông Hoàng Công T quản lý, sử dụng.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 25/5/2022áp dụngcác Điều 633, 634, 635, 674, 675, 676 của Bộ luật dân sự 2005; các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660, điểm b, khoản 1, Điều 688,Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26; khoản 1, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 166;Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

1.Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công Ch1 về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Công N1 và cụ Nguyễn Thị N2.

1.1Xác nhận di sản thừa kế của cụ Hoàng Công N1, cụ Nguyễn Thị N2 để lạilà diện tích 1.429,5m^2 (trong đó có 360m^2 đất ở và 1.069,5m^2 đất vườn) tại số thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giangđã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ số 22390 QSDĐ/15 cấp ngày 20/4/1994.Trị giá đất là 2.204.919.000 đồng và các tài sản trên đất gồm 01 nhà thờcấp 4 trị giá 35.814.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem trị giá 6.861.000 đồng; 01 tường xây 20 bó sân trị giá 1.433.000 đồng; 01 bếp loại C trị giá 8.788.000 đồng; 01 sân lãng vữa xi măng trị giá 495.000 đồng; 02 cây xoài đường kính gốc 40cm trị giá 2.032.000 đồng; 02 cây vải đường kính tán 4,5- 5m trị giá 5.982.000 đồng; 01 tường xây gạch chỉ 110 trị giá 4.214.000 đồng. Tổng tài sản trên đất

là 65.619.000 đồng.Tổng cộng di sản thừa kế của cụ Hoàng Công N1, cụ Nguyễn Thị N2 để lại có tổng giá trị bằng tiền là 2.270.538.000 đồng.

1.2.Để lại diện tích 134,4m^2 đất vườn nằm trong diện tích đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ số 22390 QSDĐ/15 cấp ngày 20/4/1994 trị giá 5.644.800 đồng làm lối đi chung.

Phần diện tích 134,4m^{2}đất vườn làm lối đi chung có các điểm cụ thể như sau:

- Điểm từ 20 đến14 = 7,3m +3,8m +2,7m +3,6m giáp đất ông Ch2;
- Điểm từ 12đến14 = 3,0m giáp đất nhà thờ;
- Điểm từ 12đến13 = 7,3m giáp đất bà H2 được chia;
- Điểm từ 13đến9 = 17,2m giáp đất bà H2 mới được chia;
- Điểm từ 9đến8 = 2,8m giáp đất bà Hoàn mới được chia;
- Điểm từ 8đến7= 16,8m +2,3m + 6,0m +2,1m giáp đất ông Ch1 mới được chia;

(có sơ đồ kèm theo)

1.3Giao cho ông Hoàng Công T, bà Hoàng Thị Q, ông Hoàng Công Ch2, ông Hoàng Công Ch1, bà Hoàng Thị Th1, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị H2, bà Hoàng Thị H3 được quyền sở hữu quản lý và sử dụng diện tích 191,3m^2 là đất ở tại số thửa 32, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang nằm trong diện tích đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ số 22390 QSDĐ/15 cấp ngày 20/4/1994.Trị giá đất là 1.147.800.000 đồng. Tài sản trên phần đất này gồm:01 nhà thờ cấp 4 trị giá 35.814.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem trị giá 6.861.000 đồng; 01 tường xây 20 bó sân trị giá 1.433.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 1.191.908.000 đồng là di sản của cụ N1, cụ N2 để lại làm nơi thờ cúng.

Phần diện tích 191,3m^{2}đất ở làm nhà thờ có các điểm cụ thể như sau:

-Điểm từ 15 đến16 = 4,2m +1,0m+13,0 m giáp đất ông Ch2 và bà Hoàn;
- Điểm từ 14đến15 = 8,3m+2,9m giáp đất ông Ch2;
- Điểm từ 12đến14 = 3m giáp lối đi chung;
- Điểm từ 12đến11 = 11,6m giáp phần đất bà H2 mới được chia;
- Điểm từ 11đến17 = 6,0m +2,6m giáp đất bà Hoàn mới được chia;
- Điểm từ 17đến16 = 4,7m giáp đất bà Hoàn.

(có sơ đồ kèm theo)

Phần diện tích đất còn lạilà 1.103,8m^2 trong đó có 168,7m^2 là đất ở và 935,1m^2 là đất vườnnằm trong diện tích đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ số 22390 QSDĐ/15, cấp ngày 20/4/1994 có trị giá là 1.051.474.200 đồng.

Các tài sản trên đất gồm: 01 bếp loại C trị giá 8.788.000 đồng; 01 sân lãng vữa xi măng trị giá 495.000 đồng; 02 cây xoài đường kính gốc 40cm trị giá 2.032.000 đồng; 02 cây vải đường kính tán 4,5- 5m trị giá 5.982.000 đồng; 01 tường xây gạch chỉ 110 trị giá

4.214.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 21.511.000 đồng.

Giá trị tài sản là di sản thừa kế của cụ N1, cụ N2 để lại có tổng giá trịlà 1.072.985.200 đồng.

Trích chia công sức quản lý tôn tạo di sản cho ông Hoàng Công Ch1 là 100.000.000 đồng, ông Hoàng Công T là 12.985.200 đồng.

Phần di sản thừa kế còn lại là 960.000.000 đồng được chia đều cho 08 người con của cụ N1, cụ N2 gồm ông Hoàng Công T, bà Hoàng Thị Q, ông Hoàng Công Ch1, bà Hoàng Thị Th1, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị H2, bà Hoàng Thị H3mỗi người được hưởng một phần bằng nhau (do ông Hoàng Công Ch2từ chối nhận di sản). Tương đương giá trị bằng tiền là 120.000.000 đồng.

Ông Hoàng Công Ch1 được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng kỷ phần thừa kế được hưởng và kỷ phần của những người khác tặng cho (gồm bà Hoàng Thị Q, bà Hoàng Thị Th1, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị H3) trị giá QSDĐlà600.000.000đồng và 100.000.000 đồng tiền trích chia công sức tôn tạo quản lý di sản. Tổng cộng là 700.000.000 đồng.

Ông Hoàng Công T được nhậnquyền sở hữu, quản lý và sử dụng kỷ phần thừa kế được hưởng và 12.985.200 đồng tiền trích chia công sức tôn tạo quản lý di sản. Tổng cộng là 132.985.200 đồng.

1.4Giao cho ông Hoàng Công Ch1 được quyền sở hữu, quản lý, sử dụngdiện tích 494,3m^2trong đó có 105,4m^2 đất ở và 388,9m^2 đất vườn nằm trong diện tích đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ số 22390 QSDĐ/15, cấp ngày 20/4/1994.Trị giá đất là 648.733.800 đồng.

Phần diện tích 494,3m^2đất ông Ch1 được giao có các điểm cụ thể như sau:

- Điểm từ 6 đến7 = 46m+11,4m+0,5m+1,1 m giáp đất đường đi;
- Điểm từ 7 đến8 = 2,1m+6,0m+2,3m+16,8m giáp đất đường đi chung;
- Điểm từ 8 đến19 = 1,1m+3,0m giáp đất bà Hoàn mới được chia;
- Điểm từ 4 đến19 = 14,1m giáp phần đất ông T;
- Điểm từ 4 đến5 = 3,0m+7,4m+4,7m giáp đất ao ông T mới được chia;
- Điểm từ 5 đến6 = 8,0m+7,4m giáp đất ao ông T mới được chia.

(có sơ đồ kèm theo)

Về tài sản trên phần diện tích đất này: Tòa án không giải quyết. Nếu sau này, đương sự có tranh chấp thì có thể được giải quyết bằng vụ án khác.

Ông Hoàng Công Ch1 được nhận 9.402.600đồng do ông Hoàng Công T trả, số tiền 20.590.800 đồng do bà Hoàng Thị H1 trả, và số tiền 21.272.800 đồng do bà Hoàng Thị H2 trả.

1.5 Giao cho ông Hoàng Công T được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng một phần đất có diện tích 397m^2 đất trong đó có 21,1 m^2 là đất ở và 375,9m^2 là đất vườnnằm trong diện tích đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công

N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ số 22390 QSDĐ/15 cấp ngày 20/4/1994 trị giá đất là 142.387.800 đồng.

Phần diện tích 397m^2 đất ông T được giao có các điểm cụ thể như sau:

- Điểm từ 1đến 6 = 5,0m giáp đường đi;
- Điểm từ 1 đến 2 = 9,8m +15,5m+11,2m giáp đất ở ông T;
- Điểm từ 2 đến 3 = 7,5m+5,1m+3,4m giáp đất ông T;
- Điểm từ 3 đến 4 = 11,8m giáp đất ông T;
- Điểm từ 4 đến 5 = 3,0m+7,4m+4,7m giáp đất ông Ch1 mới được chia;
- Điểm từ 5 đến 6= 8,0m+ 7,4m giáp đất ông Ch1 mới được chia;

(có sơ đồ kèm theo)

Buộc ông Hoàng Công T phải trả ông Hoàng Công Ch1 9.402.600 đồng tiền chênh lệch tài sản.

1.6Giao cho bà Hoàng Thị H1được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng một phần đất là 109m^2 trong đó có 21,1m^2 là đất ở và 87,9m^2 đất vườnnằm trong diện tích đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ số 22390 QSDĐ/15 cấp ngày 20/4/1994. Trị giá đất là 130.291.800 đồng.

Phần diện tích 109m^2 đất bà Hoàn được giao có các điểm cụ thể như sau:

- Điểm từ 18 đến17 = 7,4m giáp đất ở bà H1;
- Điểm từ 10 đến11 = 4,5m giáp đất bà H2 mới được chia;
- Điểm từ 10 đến9 = 5,4m giáp đất bà H2 mới được chia;
- Điểm từ 9 đến8 = 2,8m giáp lối đi chung;
- Điểm từ 8 đến19 = 1,1m+3m giáp đất ông Ch1 mới được chia;
- Điểm từ 19 đến18= 1,4m+1m+4,5m+8m giáp đất ông T;

(có sơ đồ kèm theo)

Và các tài sản có trên phần diện tích đất này gồm: 01 bếp loại C trị giá 8.788.000 đồng; 01 sân lãng vữa xi măng trị giá 495.000 đồng; 01 cây xoài đường kính gốc 40cm trị giá 1.016.000 đồng. Tổng tài sản trên đất là 10.299.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất có giá trị là: 140.590.800 đồng.

Buộc bà Hoàng Thị H1 phải trả ông Hoàng Công Ch1là 20.590.800 đồng tiền chênh lệch tài sản.

1.7Giao cho bà Hoàng Thị H2được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng một phần đất có diện tíchlà 103,5m^2, trong đó có 21,1m^2 là đất ở và 82,4m^2 đất vườnnằm trong diện tích đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ số 22390 QSDĐ/15, cấp ngày 20/4/1994. Trị giá đất là 130.060.800 đồng.

Phần diện tích 103,5m^2 đất mà bà H2 được giao có các điểm cụ thể như sau:

- Điểm từ 13 đến12 = 7,3m giáp lối đi chung;
- Điểm từ 10 đến11 = 4,5m giáp đất bà H1 mới được chia;

- Điểm từ 11 đến12 = 11,6m giáp đất nhà thờ;

- Điểm từ 9 đến10 = 5,4m giáp đất bà H1 mới được chia;

- Điểm từ 9 đến13 = 17,2m giáp đất đường đi chung;

(có sơ đồ kèm theo)

Và các tài sản có trên phần diện tích đất này gồm01 cây xoài đường kính gốc 40cm trị giá 1.016.000 đồng; 02 cây vải đường kính tán 4,5-5m trị giá 5.982.000 đồng; 01 tường xây gạch chỉ 110 trị giá 4.214.000 đồng. Tổng tài sản trên đất là 11.212.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 141.272.800 đồng.

Buộc bà Hoàng Thị H2 phải trả ông Hoàng Công Ch1 là 21.272.800 đồng tiền chênh lệch về tài sản.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ đăng ký kê khai để được cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh hoặc cấp mới Giấy chứng nhậnQSDĐ theo quy định của pháp luật về đất đai, khi thực hiện cấp Giấy chứng nhận QSDĐ theo bản án thì hồ sơ cấp Giấy chứng nhận phải được ký giáp ranh với các hộ liền kề.

2.Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hoàng Công T, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị H2 mỗi người phải trả cho ông Hoàng Công Ch1 số tiền là 3.750.000 đồng tiền chi phí tố tụng.

3.Về án phí DSST: Buộc ông Hoàng Công Ch1 phải chịu29.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 10.800.000 đồng ngày 25/10/2021 ông đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012481 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Ông Ch1 còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 18.200.000 đồng.

Buộc bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị H2mỗi người phải chịu 6.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí chia di sản thừa kế cho ông Hoàng Công T.

Ngoài ra bản án còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, quyền thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/6/2022, ông Hoàng Công Ch1nộp đơn kháng cáo không đồng ý nhận số tiền chênh lệch về tài sản là9.402.600 đồng do ông T trích chia, ông đề nghị ông T phải trả cho ông bằng đất.

Tại phiên tòa, nguyên đơn làông Ch1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.Các bên không thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án do vắng mặt bị đơn và những ngườicó quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

+ Ông Hoàng Công Ch1 đã trình bầy: Theo bản án sơ thẩm thì ông được nhận di sản thừa kế của cụ N1, cụ N2105,4m^2 đất ở và 388,9m^2 đất vườn; ông T được hưởng 397m^2 đất ao trong đó có 21,1m^2đất ở và 375,9m^2 là đất vườn nhưng ông T phải trả cho ông số tiền chênh lệch về tài sản là9.402.600 đồng. Nay ông kháng cáo đề nghị ông T phải trích chia cho ông bằng đất, ông không đồng ý nhận bằng tiền.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1, Điều 308Bộ luật tố tụng dân sự,không chấp nhận kháng cáo của ông Ch1, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của ôngHoàng Công Ch1 đề nghị được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật tương ứng với số tiền9.402.600 đồng mà ông T phải trích chia cho ông Ch1thì thấy:

Vợ chồng cụ Hoàng Công N1(chết năm 2006) và cụ Nguyễn Thị N2(chết năm 2011) có 9 người con gồm: Ông Hoàng Công T, bà Hoàng Thị Q, ông Hoàng Công Ch2, ông Hoàng Công Ch1, bà Hoàng Thị Th1, bà Hoàng Thị H1,bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị H2, bà Hoàng Thị H3.

Sau khi cụ N1 và cụ N2chết đã để lại khối di sản thừa kế gồm:

Về QSDĐ: Thửa đất có diện tích 1.432m^2 trong đó 360m^2 đất ở và 1.072m^2 đất vườn thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17 (nay kết quả đo thực tế ngày 09/12/2021 là 1.429,5m^2 là giảm 2,5m^2) ở thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ngày 20/4/1994, UBND huyện Lđã cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1, số vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ là 22390 QSDĐ/15.Theo kết quả đo thực tế ngày 09/12/2021 thì đất có diện tích là 1.429,5m^2.

Trong phần diện tích đất thực tế là 1.429,5m^2 thì có 191,3m^{2}đất đã được xây 01 nhà thờ, lát sân vàlàm lối đi chung. Các đương sự đề nghị phần diện tích đất nàydùngđể làm nơi thờ cúng các cụnên không đề nghị phân chia đối với phần diện tích đất này.

Sau khi khấu trừ 191,3m^{2}đất làm nơi thờ cúng các cụ thì được phần diện tích đất còn lại là 1.238,2m^2.

Đối với các tài sản trên đất là di sản của các cụ để lại có tổng giá trị tài sản là 65.619.000đồng gồm có: 01 ngôi nhà thờ cấp 4 trị giá 35.814.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem trị giá 6.861.000 đồng; 01 tường xây 20 bó sân trị giá 1.433.000 đồng; 01 bếp loại C trị giá 8.788.000 đồng; 01 sân láng vữa xi măng trị giá 495.000 đồng; 02 cây xoài đường kính gốc 40cm trị giá 2.032.000 đồng; 02 cây vải đường kính tán 4,5- 5m trị giá 5.982.000 đồng; 01 tường xây gạch chỉ 110 trị giá 4.214.000 đồng.

Trong đó tài sản trên phần diện tích 191,3m^2 gồm có 01 ngôi nhà thờ cấp 4 trị giá 35.814.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem trị giá 6.861.000 đồng; 01 tường xây 20 bó sân trị giá 1.433.000 đồng. Các đương sự đề nghị sử dụng phần tài sản nàydùngđể làm nơi thờ cúng các cụvàkhông đề nghị phân chia.

Trong phần diện tích đất còn lại là 1.238,2m^2, các đương sự đều đề nghị để lại một phần diện tích đất vườn là 134,4m^2 làm lối đi chung vào nhà thờ và không đề nghị phân chia đối với phần diện tích này.

Phần diện tích đất còn lại và các tài sản trên đất được xác định là di sản thừa kế của cụ N1 và cụ N2để phân chia gồm:

QSDĐ: 1.103.8m^2đất trong đó có 168,7m^2 là đất ở và 935,1m^2 là đất vườn có tổng trị giá là 168,7m^2x 6.000.000 đồng/m^2+935,1m^2x 42.000 đồng/m^2 = 1.051.474.200 đồng).

Các tài sản trên đất có tổng giá trị là 21.511.000 đồnggồm: 01 bếp loại C trị giá 8.788.000 đồng; 01 sân láng vữa xi măng có trị giá 495.000 đồng; 02 cây xoài đường kính gốc 40cm có trị giá 2.032.000 đồng; 02 cây vải đường kính tán 4,5- 5m có trị giá 5.982.000 đồng; 01 tường xây gạch chỉ 110 có trị giá 4.214.000 đồng.

tổng tài sản trên đất là 21.511.000 đồng.

Như vậy di sản thừa kế của cụ N1, cụ N2gồm có QSD đất và tài sản trên đất có tổng giá trị 1.051.474.200 đồng+ 1.051.474.200 đồng= 1.072.985.200 đồng.Sau khi khấu trừ công sức quản lý tôn tạo di sản cho ông Hoàng Công Ch1là 100.000.000 đồng vàkhấu trừ công sức quản lý tôn tạo di sản cho ông Hoàng Công T là 12.985.200 đồng thìdi sản thừa kế còn lại của các cụ chỉ có giá trị là 960.000.000 đồng. Do ông Ch2 từ chối nhận di sản nên phần di sảncó giá trị là 960.000.000 đồng được chia đều cho 08 người con của cụ N1, cụ N2, mỗi người sẽ được hưởng một phần giá trị tài sản tương ứng giá trị tiền là 120.000.000 đồng.Do bà Hoàng Thị Q, bà Hoàng Thị Th1, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị H3đồng ý tặng cho ông Ch1kỷ phần thừa kế của mình nên ông Ch1sẽ được hưởng một phần giá trị tài sản tương ứng giá trị tiền là600.000.000đồng. Nếu tính cả 100.000.000 đồng tiền công sức quản lý tôn tạo di sản thì ông Ch1được hưởng phần di sản có trị giá là 700.000.000đồng.

Ông T được hưởng phần di sản có trị giá là120.000.000 đồngvà 12.985.200 đồng tiền trích chia công sức tôn tạo quản lý di sản nên tổng giá trị tài sản ông Tđược hưởng là 132.985.200 đồng.

Bản án sơ thẩm đã giao cho ông Ch1 được494,3m^2 đất trong đó có 105,4m^2 đất ở và 388,9m^2 đất vườn; ông T được hưởng 397m^2 đất trong đó có 21,1m^2đất ở và 375,9m^2 là đất vườn, nhưng ông T phải trả cho ông Ch1 số tiền chênh lệch về tài sản là9.402.600 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Với số tiền mà ông Tđược hưởng là 132.985.200 đồng thì ông T chỉ được nhận phần diện tích đất ở là 21,1m^2(có giá là 6.000.000 đồng/m^2x

21,1m^2 = 126.600.000 đồng)và phần diện tích đất vườn là:(132.985.200 đồng - 126.600.000 đồng) : 42.000.000 đồng/m^2 = 6.385.200 đồng: 42.000 đồng/m^2 = 152m^2. Như vậy,kỷ phần thừa kế của ông T được hưởng gồm tổng diện tích đất ở và đất vườn chỉ là 173,1m^2.Việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông T toàn bộ phần diện tích đất ao là 397m^2, là vượt quá kỷ phần thừa kế mà ông T được hưởng.

Do hiện nay gia đình ông T đã nhà và đất khác (nằm ở phía sau thửa đất giao cho ông Ch1), Hội đồng xét xử xét thấy:Cần chấp nhận kháng cáo của ông Ch1, sửa một phần bản án sơ thẩm đã xử theo hướng:

Giao cho ông Tđược hưởng phần di sản là: 174,6m^2 đất ao trong đó có 21,1m^2đất ở và 153,5m^2 đất vườn. Ông T phải trích chia cho ông Ch1222,4m^2 đất ao hiện đang do ông T quản lý, (chính là thửa số 1 trên sơ đồ kèm theo bản án).

Giao ông Ch1được hưởng phần di sản là 716,7m^2 đất trong đó có 105,4m^2 đất ở và 611,3m^2 đất vườn. Trong 611,3m^2 đất vườnmà ông Ch1 được nhận thì có 222,4m^2 đất ao (đất vườn) do ông T phải trích chia, (chiều dài các cạnh thửa đất theo sơ đồ kèm theo bản án).

Các quyết định khác không có kháng cáo và kháng nghị nên, Hội đồng xét xử không xem xét.

Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Ch1 không phải nộp án phí DSPT

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2, Điều 308 BLTTDS chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Công Ch1sửa bản án sơ thẩm đã xử.

Áp dụngcác Điều 633, 634, 635, 674, 675, 676 của Bộ luật dân sự 2005; các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660, điểm b, khoản 1, Điều 688,Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 166;Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

1.Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công Ch1 về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Công N1 và cụ Nguyễn Thị N2.

1.1Xác nhận di sản thừa kế của cụ Hoàng Công N1, cụ Nguyễn Thị N2 để lạilà diện tích 1.429,5m^2 (trong đó có 360m^2 đất ở và 1.069,5m^2 đất vườn) tại số thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giangđã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ số 22390 QSDĐ/15 cấp ngày 20/4/1994.Trị giá đất là 2.204.919.000 đồng và các tài sản trên đất gồm 01 nhà thờcấp 4 trị giá 35.814.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem trị giá 6.861.000 đồng; 01 tường xây 20 bó sân trị giá 1.433.000 đồng; 01 bếp loại

C trị giá 8.788.000 đồng; 01 sân lãng vữa xi măng trị giá 495.000 đồng; 02 cây xoài đường kính gốc 40cm trị giá 2.032.000 đồng; 02 cây vải đường kính tán 4,5- 5m trị giá 5.982.000 đồng; 01 tường xây gạch chỉ 110 trị giá 4.214.000 đồng. Tổng tài sản trên đất là 65.619.000 đồng. Di sản thừa kế của cụ Hoàng Công N1, cụ Nguyễn Thị N2 để lại có tổng giá trị bằng tiền là 2.270.538.000 đồng.

1.2.Để lại diện tích 134,4m^2 đất vườn nằm trong diện tích đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ số 22390 QSDĐ/15 cấp ngày 20/4/1994 trị giá 5.644.800 đồng làm lối đi chung.

Phần diện tích 134,4m^{2}đất vườn làm lối đi chung có các điểm cụ thể như sau:

- Điểm từ 20đến 14 là đường gấp khúc có các đoạn dài: 7,3m +3,8m +2,7m +3,6m giáp đất ông Ch2;
- Điểm từ 12đến 14 = 3m giáp đất nhà thờ;
- Điểm từ 12đến 13 = 7,3m giáp đất bà H2 được chia;
- Điểm từ 13đến 9 = 17,2m giáp đất bà H2 mới được chia;
- Điểm từ 9đến 8 = 2,8m giáp đất bà H1 mới được chia;
- Điểm từ 8đến 7là đường gấp khúc có các đoạn dài: 16,8m +2,3m + 6m +2,1m giáp đất ông Ch1 mới được chia;

(Có sơ đồ kèm theo)

1.3Giao cho ông Hoàng Công T, bà Hoàng Thị Q, ông Hoàng Công Ch2, ông Hoàng Công Ch1, bà Hoàng Thị Th1, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị H2, bà Hoàng Thị H3 được quyền sở hữu quản lý và sử dụng diện tích 191,3m^2 là đất ở tại số thửa 32, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang nằm trong diện tích đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ số 22390 QSDĐ/15 cấp ngày 20/4/1994.Trị giá đất là 1.147.800.000 đồng. Tài sản trên phần đất này gồm:01 nhà thờ cấp 4 trị giá 35.814.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem trị giá 6.861.000 đồng; 01 tường xây 20 bó sân trị giá 1.433.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 1.191.908.000 đồng là di sản của cụ N1, cụ N2 để lại làm nơi thờ cúng.

Phần diện tích 191,3m^{2}đất ở làm nhà thờ có các điểm cụ thể như sau:

- Điểm từ 15đến 16 là đường gấp khúc có các đoạn dài: 4,2m +1m+13m giáp đất ông Ch2 và bà H1;
- Điểm từ 14đến 15 là đường gấp khúc có các đoạn dài:8,3m +2,9m giáp đất ông Ch2;
- Điểm từ 12đến 14 = 3m giáp lối đi chung;
- Điểm từ 12đến 11 = 11,6m giáp phần đất bà H2 mới được chia;
- Điểm từ 11đến 17 là đường gấp khúc có các đoạn dài: 6m +2,6m giáp đất bà H1 mới được chia;
- Điểm từ 17đến 16 = 4,7m giáp đất bà H1.

(Có sơ đồ kèm theo)

Phần diện tích đất còn lạilà 1.103,8m^2 trong đó có 168,7m^2 là đất ở và 935,1m^2 là đất vườnnằm trong diện tích đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ số 22390 QSDĐ/15, cấp ngày 20/4/1994 có trị giá là 1.051.474.200 đồng.

Các tài sản trên đất gồm: 01 bếp loại C trị giá 8.788.000 đồng; 01 sân lãng vữa xi măng trị giá 495.000 đồng; 02 cây xoài đường kính gốc 40cm trị giá 2.032.000 đồng; 02 cây vải đường kính tán 4,5- 5m trị giá 5.982.000 đồng; 01 tường xây gạch chỉ 110 trị giá 4.214.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 21.511.000 đồng.

Giá trị tài sản là di sản thừa kế của cụ N1, cụ N2 để lại có tổng giá trị là 1.072.985.200 đồng.

Trích chia công sức quản lý tôn tạo di sản cho ông Hoàng Công Ch1 là 100.000.000 đồng, ông Hoàng Công T là 12.985.200 đồng.

Phần di sản thừa kế còn lại là 960.000.000 đồng được chia đều cho 08 người con của cụ N1, cụ N2 gồm ông Hoàng Công T, bà Hoàng Thị Q, ông Hoàng Công Ch1, bà Hoàng Thị Th1, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị H2, bà Hoàng Thị H3mỗi người được hưởng một phần bằng nhau (do ông Hoàng Công Ch2từ chối nhận di sản). Tương đương giá trị bằng tiền là 120.000.000 đồng.

Ông Hoàng Công Ch1 được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng kỷ phần thừa kế được hưởng và kỷ phần của những người khác tặng cho (gồm bà Hoàng Thị Q, bà Hoàng Thị Th1, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị H3) trị giá QSDĐlà600.000.000đồng và 100.000.000 đồng tiền trích chia công sức tôn tạo quản lý di sản. Tổng cộng là 700.000.000 đồng.

Ông Hoàng Công T được nhậnquyền sở hữu, quản lý và sử dụng kỷ phần thừa kế được hưởng và 12.985.200 đồng tiền trích chia công sức tôn tạo quản lý di sản. Tổng cộng là 132.985.200 đồng.

1.4Giao cho ông Hoàng Công Ch1 được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích 716,7m^2 đất trong đó có 105,4m^2 đất ở và 611,3m^2 đất vườn (trong 611,3m^2 đất vườn thì có 222,4m^2 đất vườn nằm ở thửa số 8/222,4do ông Tphải trích chia cho ông Ch1) và 494,3m^2 nằm ở thửa số 2/494,3). Toàn bộ diện tích đất này nằm trong diện tích đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số 22390 QSDĐ/15, cấp ngày 20/4/1994.

Phần diện tích 716,7m^2đất màông Ch1 được giao là hình tứ giác nối các điểm1,6,7,8,19,4,21,1có các cạnh cụ thể như sau:

- Điểm từ 1 đến 6 =5m giáp đường đi;

- Điểm từ 6 đến 7 là đường gấp khúc có các đoạn dài: 46m+11,4m+0,5m+1,1m giáp đất đường đi;

- Điểm từ 7 đến 8 là đường gấp khúc có các đoạn dài: 2,1m+6m+2,3m+16,8m giáp đất đường đi chung;

- Điểm từ 8 đến 19 là đường gấp khúc có các đoạn dài:1,1m+3m giáp đất bà H1 mới được chia;

- Điểm từ 19 đến 4 = 14,1m giáp phần đất ông T;

- Điểm từ 4 đến 21 = 13,8m giáp đất ông T;

- Điểm từ 21 đến 1là đường gấp khúc có các đoạn dài:2,1m+15,6m+9,8m giáp đường ngõ;

(Có sơ đồ kèm theo.)

Về tài sản trên phần diện tích đất này: Tòa án không giải quyết.

1.5 Giao cho ông Hoàng Công T được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng 174,6m^2 đất trong đó có 21,1m^2 đất ở và 153,5m^2 đất vườn (là thửa số 1/174,6m^2). Toàn bộ diện tích đất này nằm trong diện tích đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số 22390 QSDĐ/15 cấp ngày 20/4/1994.

Phần diện tích 174,6m^2 đấtmà ông T được giao là hình tứ giác nối các điểm4,3,2,21,4 có các cạnh cụ thể như sau:

- Điểm từ 4 đến 3 = 11,8m giáp đất ở của ông T;

- Điểm từ3 đến 2 là đường gấp khúc có các đoạn dài:3.4m +5,1m + 7,5m giáp đất ởcủa ông T;

- Điểm từ 2đến 21 = 11,2m giáp đường ngõ;

- Điểm từ21 đến 4= 13,8m giápđất ao giao cho ông Ch1;

(Có sơ đồ kèm theo).

Ông T phải trích chia cho ông Ch1 222,4m^2 đất vườn (chính là đất ao nằm ở thửa số 8/222,4) là hình đa giác nối các điểm 4,5,22,6,1,21,4.

Điểm từ 4 đến 5 là đường gấp khúc có các đoạn dài: 3m + 7,4m giápđất giao cho ông Ch1;

- Điểm từ 5 đến 22 = 4,7m giáp nhà kho và nhà bếp của ông Ch1;

- Điểm từ 22 đến 6 = 8m + 7,4m giáp nhà kho và nhà bếp của ông Ch1;

- Điểm từ 6 đến 1 =5m giáp đường đi;

- Điểm từ 21 đến 1là đường gấp khúc có các đoạn dài:2,1m+15,6m+9,8m giáp đường ngõ;

- Điểm từ 21 đến 4 = 13,8m giáp đất ao giao cho ông T;

- Điểm từ 21 đến 1là đường gấp khúc có các đoạn dài:2,1m+15,6m+9,8m giáp đường ngõ;

(Có sơ đồ kèm theo).

1.6Giao cho bà Hoàng Thị H1được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng một phần đất là 109m^2 trong đó có 21,1m^2 là đất ở và 87,9m^2 đất vườnnằm trong diện tích đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ số 22390 QSDĐ/15 cấp ngày 20/4/1994. Trị giá đất là 130.291.800 đồng.

Phần diện tích 109m^2 đất bà H1 được giao có các điểm cụ thể như sau:

- Điểm từ 18 đến 17 = 7,4m giáp đất ở bà H1;
- Điểm từ 10 đến 11 = 4,5m giáp đất bà H2 mới được chia;
- Điểm từ 10 đến 9 = 5,4m giáp đất bà H2 mới được chia;
- Điểm từ 9 đến 8 = 2,8m giáp lối đi chung;
- Điểm từ 8 đến 19 là đường gấp khúc có các đoạn dài:1,1m+3m giáp đất ông Ch1 mới được chia;
- Điểm từ 19 đến 18là đường gấp khúc có các đoạn dài:1,4m+1m+4,5m+8m giáp đất ông T;

(Có sơ đồ kèm theo)

Bà H1 được sở hữu các tài sản có trên phần diện tích đất này gồm: 01 bếp loại C trị giá 8.788.000 đồng; 01 sân lãng vữa xi măng trị giá 495.000 đồng; 01 cây xoài đường kính gốc 40cm trị giá 1.016.000 đồng. Tổng tài sản trên đất là 10.299.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đấtbà H1 được hưởng có giá trị là: 140.590.800 đồng.

Buộc bà Hoàng Thị H1 phải trả ông Hoàng Công Ch1là 20.590.800 đồng tiền chênh lệch về giá trị tài sản.

1.7Giao cho bà Hoàng Thị H2được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng một phần đất có diện tíchlà 103,5m^2, trong đó có 21,1m^2 là đất ở và 82,4m^2 đất vườnnằm trong diện tích đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ mang tên cụ Hoàng Công N1 vào sổ cấp Giấy chứng nhậnQSDĐ số 22390 QSDĐ/15, cấp ngày 20/4/1994. Trị giá đất là 130.060.800 đồng.

Phần diện tích 103,5m^2 đất mà bà H2 được giao có các điểm cụ thể như sau:

- Điểm từ 13 đến 12 = 7,3m giáp lối đi chung;
- Điểm từ 10 đến 11 = 4,5m giáp đất bà H1 mới được chia;
- Điểm từ 11 đến 12 = 11,6m giáp đất nhà thờ;
- Điểm từ 9 đến 10 = 5,4m giáp đất bà H1 mới được chia;
- Điểm từ 9 đến 13 = 17,2m giáp đất đường đi chung;

(Có sơ đồ kèm theo).

Bà H2 được sở hữu các tài sản có trên phần diện tích đất này gồm: 01 cây xoài đường kính gốc 40cm trị giá 1.016.000 đồng; 02 cây vải đường kính tán 4,5-5m trị giá 5.982.000 đồng; 01 tường xây gạch chỉ 110 trị giá 4.214.000 đồng. Tổng tài sản trên đất là 11.212.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đấtbà H2 được hưởng là: 141.272.800 đồng.

Buộc bà Hoàng Thị H2 phải trả ông Hoàng Công Ch121.272.800 đồng chênh lệch về giá trị tài sản.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ đăng ký kê khai để được cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh hoặc cấp mới Giấy chứng nhậnQSDĐtheo quy định của pháp luật về đất đai, khi thực hiện cấp Giấy chứng nhận

QSDĐ theo bản án thì hồ sơ cấp Giấy chứng nhận phải được ký giáp ranh với các hộ liền kề.

2.Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hoàng Công T, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị H2 mỗi người phải trả cho ông Hoàng Công Ch13.750.000 đồng tiền chi phí tố tụng.

3.Về án phí DSST: Buộc ông Hoàng Công Ch1 phải nộp29.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 10.800.000 đồng ngày 25/10/2021 ông đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0012481 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Ông Ch1 còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn thiếu là 18.200.000 đồng.

Buộc bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị H2mỗi người phải nộp 6.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí chia di sản thừa kế cho ông Hoàng Công T.

4.Về án phí DSPT: Ông Ch1 không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Hoàng Công Ch1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo tạiBiên lai thu tiền số 0012988 ngày 30/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân huyện L;
-Chi cục THADS huyện L;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Quyết Nguyễn Thị Hương Giang Phạm Thị Minh Hiền